TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2024/DS-ST
Ngày 16 - 8 - 2024
V/v tranh chấp HĐ cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn M1 Mẫn

2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Du, phường X, thành Y, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T, Sinh năm 1989 – Nhân viên Công ty Cổ phần S. Địa chỉ cư trú: Số 220, đường M, khóm N, phường P, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Nguyệt M1. Sinh năm: 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường A, Khóm B, Phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 29/4/2021, bà Ngô Nguyệt M1 có đến Công ty Cổ phần S, chi nhánh Cà Mau để ký hợp đồng cầm cố tài sản số CMM230201005NA22X. Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu HONDA Vision 110ccFi, biển số 69B1-437.07, số khung 583XKZ431166, số máy JF86E5001199, giấy chứng nhận đăng ký xe số 071260 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/3/2020 với số tiền nhận cầm cố là 18.600.000 đồng, thời hạn cầm cố 18 tháng với mức lãi suất

1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 18.600.000 đồng cho bà M1 vào ngày 29/4/2021. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà M1 mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe 01 tháng từ ngày 29/4/2021 đến ngày 29/5/2021. Bà M1 có cam kết rõ trong giấy mượn xe là hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà M1 thanh toán cho Công ty tiền gốc là 5.531.303 đồng, tiền lãi 1.413.111 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 29/01/2022 đến nay. Do bà M1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký, bà M1 không thanh toán tiền và không trả lại xe nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà M1 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 35.679.229 đồng (trong đó gốc 13.068.697 đồng, lãi trong hạn 1.437.557 đồng, lãi quá hạn 14.900.000 đồng, phí 1.045.496 đồng) và chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M1 trả số tiền (gốc) cầm cố xe còn nợ 13.068.697 đồng và lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử là 32 tháng 17 ngày với số tiền 4.681.642 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ngày 29/4/2021, bà Ngô Nguyệt M1 có thỏa thuận với Công ty Cổ phần S, chi nhánh Cà Mau để ký hợp đồng cầm cố tài sản số CMM210401022NA19X. Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu HONDA Vision 110ccFi, biển số 69B1-437.07, số khung 583XKZ431166, số máy JF86E5001199, giấy chứng nhận đăng ký xe số 071260 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/3/2020 với số tiền nhận cầm cố là 18.600.000 đồng, thời hạn cầm cố 18 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà M1 mượn lại xe sử dụng, có làm giấy mượn xe, xe hiện nay bà M1 đang quản lý sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M1 đã thanh toán cho Công ty số tiền gốc là 5.531.303 đồng, tiền lãi 1.413.111 đồng và ngưng thanh toán từ 29/01/2022 đến nay.

Bà M1 đã được Tòa án tống đạt văn bản hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Do đó, căn cứ vào hợp đồng cầm cố xe được ký giữa Công ty Cổ phần S với bà M1 ngày 29/4/2021 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét yêu cầu của Công ty Cổ phần S buộc bà M1 trả

số tiền nợ gốc còn lại 13.068.697 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét yêu cầu về lãi suất áp dụng mức lãi suất theo hợp đồng 1,1%/tháng là phù hợp với quy định. Số tiền lãi bà M1 phải trả cho Công ty khi vi phạm hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 32 tháng 17 ngày x 1,1%/tháng x 13.068.697 đồng = 4.681.642 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi bà M1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S là 17.750.339 đồng.

Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho bà M1 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 071260 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/3/2020 đứng tên Ngô Nguyệt M1 khi bà M1 đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

Đại diện Công ty S không yêu cầu bà M1 trả phí phát sinh và không yêu cầu bà M1 thực hiện nghĩa vụ trả lại xe hiệu HONDA Vision 110ccFi, biển số 69B1-437.07, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Bà M1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc bà Ngô Nguyệt M1 trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 17.750.339 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc Công ty Cổ phần S trả lại cho bà Ngô Nguyệt M1 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe số 071260 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/3/2020 đứng tên Ngô Nguyệt M1 khi bà M1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

Án phí dân sự: Bà Ngô Nguyệt M1 phải chịu án phí 887.500 đồng. Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí. Ngày 23/5/2024 Công ty Cổ phần S có nộp tạm ứng 941.000 đồng theo biên lai số 0008688 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm